TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/ HSST
Ngày: 09/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Lâm
Các Hội thẩm nhân dân:
ông: Hồ Bá Toàn
bà: Điểu Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: ông Vũ Đức Việt - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2022/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2022. Đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ L*;* sinh năm 1971; Tại: tỉnh T; Giới tính: Nữ; HKTT: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951; bị cáo có chồng tên Dương Văn T, sinh năm 1970(đã chết) và 02(hai) người con, sinh năm 1990 và sinh năm 1994; tiền án; tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra đến nay *(bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- *Bị hại:* Nguyễn Hồng T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước *(có mặt).*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Dương Văn Vũ L, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước *(có mặt).*

- *Những người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 2000 *(có mặt).*
2. Trương Văn C, sinh năm 1971 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L và Nguyễn Hồng T là hàng xóm. Khoảng 22 giờ ngày 14/12/2021 L tổ chức hát karaoke tại nhà của mình gây ồn ào. Thấy vậy, bà Nguyễn Thị D là mẹ của T đi qua nhắc nhở nên giữa L và bà D, T xảy ra mâu thuẫn cãi nhau.

Khoảng 08 giờ ngày 15/12/2021, T ra trồng hoa cúc trước cửa nhà và gọi điện thoại cho bạn tên H kể lại chuyện xích mích với L tối hôm trước. Lúc này, L dắt xe mô tô hiệu honda, loại vision, biển kiểm soát: 93G1-234.42 ra sân để đi chợ thì nghe thấy T chửi mình ở ngoài đường nên L và T tiếp tục cãi nhau, sau đó L quay vào trong nhà lấy 01(một) con dao (dài 32cm có lưỡi bằng kim loại dài 25cm, rộng 7,5cm) bỏ vào trong hộc đựng đồ phía trước xe mô tô rồi chạy xe đi chợ ngang qua chỗ T thì bị T dùng 01(một) khúc cây gỗ hình tròn, dài 53,5cm, đường kính 2,5cm, có một đầu nhọn do T nhặt bên đường trước đó rồi chửi nhau với L. Thấy vậy, L dừng xe lại, lấy con dao từ trong hộc đựng đồ trên xe mô tô chém về phía T theo hướng từ trên xuống, T đưa tay phải đang cầm khúc cây gỗ ra đỡ thì bị L chém trúng cổ tay phải gây thương tích, sau đó T và L ôm vật nhau ngã xuống mặt đường thì con gái của T là Nguyễn Thị Quỳnh N chạy ra can ngăn và đưa T đi cấp cứu, còn L bỏ về nhà. Ngày 24/12/2021, bà Nguyễn Hồng T làm đơn tố giác tội phạm, trình báo công an xã T và làm đơn yêu cầu khởi tố gửi cơ quan điều tra để xử lý.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 43/2022/TgT ngày 29/3/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Phước, xác định Nguyễn Hồng T bị thương tích như sau: Vết thương cổ tay phải đứt hoàn toàn mỏm trâm trụ đã phẫu thuật xuyên đinh cố định xương gãy (Sẹo mổ kích thước (6 x 0,2)cm gọn), vận động cổ tay phải hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13% (Mười ba phần trăm).

Quá trình điều tra Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 51/CT - VKS ngày 09/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và kết luận, không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, đồng ý bồi thường thêm 150.000.000đ như yêu cầu của bị hại

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 150.000.000đ (không tính số tiền 35.000.000đ đã nhận), xin Hội đồng xét xử xử nhẹ nhất cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B khẳng định bị cáo có hành vi như trong bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn L phạm tội "Cố ý gây thương tích"; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng Điều 590 của Bô luật dân sự; Điều 48 của Bộ luật hình sự, ghi nhận sự thống nhất bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 15/12/2021 tại ấp 2, xã T, huyện B, do mâu thuẫn cá nhân với nhau, Nguyễn Thị L đã có hành vi dùng 01(một) con dao chém theo hướng từ trên xuống trúng vào cổ tay của bà Nguyễn Hồng T gây thương tích cho bà T với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13% (mười ba phần trăm). Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích". Do bị cáo dùng 01(một) con dao là hung khí nguy hiểm, tỷ lệ thương tật của bị hại 13%(tức là trên 11%) nên tội phạm và hình phạt của bị cáo được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đã truy tố là có căn cứ, đúng hành vi, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo hoàn toàn biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu, bị hại cũng có một phần lỗi, bị

hại xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giao bị cáo về địa phương giám sát giáo dục là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thống nhất mức bồi thường 150.000.000đ, hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

Đối với 01(một) con dao (dài 32cm có lưỡi bằng kim loại dài 25cm, rộng 7,5cm) cán dao bằng tre hình tròn dài 12cm, đường kính 2,5cm và 01(một) khúc cây gỗ hình tròn dài 53,5cm, đường kính 2,5cm, có một đầu nhọn là 5cm là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01(một) xe mô tô hiệu honda, loại vision, biển kiểm soát: 93G1-234.42 là tài sản hợp pháp của Dương Văn Vũ L. L cho mẹ của mình là bị cáo L mượn sử dụng để đi lại, là phương tiện không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho L là đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về mức hình phạt và các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000đ(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 150.000.000đ x 5% = 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị L 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04(bốn) năm, tính từ ngày tuyên án (09/9/2022).

Giao bị cáo về UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02(hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 của Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại: bị cáo Nguyễn Thị L tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Hồng T 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo Nguyễn Thị L còn phải trả cho bà Nguyễn Hồng T tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Quang Lâm